ĐỒNG KIẾN TẠO CHÍNH SÁCH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ YÊU CẦU TINH, GỌN THỂ CHẾ PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN MỚI

THÁI DOÃN THÀNH
Khoa Luật, Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

Abstract

The emergence of new development models requires a coherent, streamlined, and adaptable legal institutional framework. In this context, policy co-creation involving multiple stakeholders can improve problem identification, policy option selection, and policy institutionalization. However, without appropriate coordination and oversight mechanisms, this process may increase the number of regulations and layers of legal instruments, thereby creating overlaps within the legal system. This article examines the legal issues arising from policy co-creation in developing institutional frameworks for new development models, focusing on the selection of legal instruments, intersectoral coordination, and oversight of the issuance of detailed regulations and the delegation of regulatory authority. It then proposes solutions to align policy co-creation with the requirements of a streamlined, coherent, and consistent legal system.

Keywords: *Legal institutional framework, new development models, policy co-creation, system of normative legal documents.*

1. Đặt vấn đề

Sự hình thành các mô hình phát triển mới như khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, khu kinh tế đặc biệt, đô thị thông minh và các mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật để điều chỉnh những quan hệ chưa được dự liệu đầy đủ. Tuy nhiên, việc xuất hiện một vấn đề mới không đồng nghĩa với việc phải ban hành một văn bản quy phạm pháp luật mới. Nếu mỗi yêu cầu điều chỉnh đều được xử lý bằng việc bổ sung quy định, hệ thống pháp luật có thể gia tăng số lượng văn bản, tầng nấc quy định và sự giao thoa giữa các lĩnh vực pháp luật.

Vấn đề này đặc biệt rõ đối với các mô hình có tính liên ngành. Một chính sách về khu thương mại tự do hoặc trung tâm tài chính quốc tế có thể đồng thời liên quan đến đầu tư, đất đai, thương mại, thuế, hải quan, tài chính và giải quyết tranh chấp. Vì vậy, nếu chính sách được xây dựng riêng biệt theo từng lĩnh vực mà thiếu sự phối hợp từ đầu, việc thể chế hóa có thể dẫn đến quy định chồng chéo hoặc phải ban hành thêm nhiều văn bản để xử lý những vấn đề phát sinh.

Trong bối cảnh đó, đồng kiến tạo chính sách cần được xem xét không chỉ dưới góc độ mở rộng sự tham gia của các chủ thể, mà còn từ góc độ lựa chọn giải pháp pháp lý. Sự tham gia của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, chuyên gia và các chủ thể chịu tác động có thể cung cấp thông tin cần thiết để xác định phạm vi điều chỉnh, đánh giá tính cần thiết của can thiệp bằng pháp luật và lựa chọn phương án thể chế hóa phù hợp. Tuy nhiên, đồng kiến tạo chỉ góp phần tinh, gọn thể chế khi kết quả tham gia được sử dụng để sàng lọc nhu cầu ban hành quy định mới, ưu tiên sửa đổi hoặc tích hợp quy định hiện hành và kiểm soát việc giao quy định chi tiết (Ban Chấp hành Trung ương, 2025).

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích mối quan hệ giữa đồng kiến tạo chính sách và yêu cầu tinh, gọn

Email: thaithanhhvcs@gmail.com

thể chế pháp luật đối với các mô hình phát triển mới; tập trung vào các vấn đề về lựa chọn công cụ pháp lý, phối hợp liên ngành, quy phạm hóa chính sách và kiểm soát sự gia tăng tầng nấc văn bản. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm quá trình xây dựng chính sách vừa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mô hình phát triển mới, vừa hạn chế sự gia tăng không cần thiết của các quy định pháp luật.

2. Đồng kiến tạo chính sách và yêu cầu tinh, gọn thể chế pháp luật

Đồng kiến tạo chính sách có thể được hiểu là quá trình cơ quan nhà nước cùng các chủ thể có liên quan tham gia vào việc xác định vấn đề, xây dựng và hoàn thiện phương án chính sách. Trong xây dựng pháp luật, cách tiếp cận này được thể hiện thông qua các cơ chế lấy ý kiến, tham vấn chính sách, đánh giá tác động và tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã quy định các cơ chế này trong quá trình xây dựng chính sách, qua đó tạo cơ sở pháp lý cho sự tham gia của các chủ thể ngoài cơ quan chủ trì xây dựng chính sách (Quốc hội, 2025a).

Tuy nhiên, đồng kiến tạo chính sách không nên được đồng nhất với một thủ tục pháp lý cụ thể. Giá trị của cách tiếp cận này nằm ở việc huy động các nguồn thông tin khác nhau trước khi cơ quan có thẩm quyền lựa chọn phương án chính sách và thể chế hóa chính sách. Đối với các mô hình phát triển mới, doanh nghiệp và các chủ thể chịu tác động có thể cung cấp thông tin về chi phí tuân thủ và khả năng thực hiện; cơ quan quản lý chuyên ngành cung cấp thông tin về yêu cầu quản lý; chuyên gia và nhà khoa học cung cấp cơ sở đánh giá về tính khả thi của các phương án. Việc tổng hợp các nguồn thông tin này giúp xác định rõ hơn vấn đề cần điều chỉnh và mức độ can thiệp của Nhà nước.

Từ góc độ tinh, gọn thể chế, cần đặc biệt phân biệt nhu cầu chính sách với nhu cầu ban hành quy định pháp luật mới. Một vấn đề mới có thể được giải quyết bằng sửa đổi, bổ sung hoặc tích hợp quy định hiện hành; trong một số trường hợp, giải pháp có thể nằm ở tổ chức thực hiện hoặc cải cách thủ tục thay vì ban hành thêm văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, kết quả của quá trình đồng kiến tạo không nên mặc nhiên được chuyển thành yêu cầu bổ sung quy định mà cần được đánh giá trong tổng thể hệ thống pháp luật.

Đối với các mô hình có tính liên ngành, yêu cầu này càng có ý nghĩa. Một chính sách về khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế hoặc đô thị thông minh có thể liên quan đồng thời đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Nếu mỗi vấn đề được xử lý riêng theo từng ngành, lĩnh vực, quá trình thể chế hóa có thể dẫn đến sự gia tăng quy định và khó xác định mối quan hệ giữa các văn bản. Do đó, đồng kiến tạo chính sách cần gắn với phối hợp liên ngành, rà soát quy định hiện hành và đánh giá tác động của phương án chính sách đối với hệ thống pháp luật.

Có thể khái quát mối quan hệ này như sau: đồng kiến tạo chính sách cung cấp cơ sở thông tin cho việc lựa chọn chính sách; tinh, gọn thể chế đặt ra yêu cầu kiểm soát việc chuyển hóa chính sách thành quy phạm pháp luật. Vấn đề cần giải quyết không phải là hạn chế sự tham gia của các chủ thể, mà là bảo đảm sự tham gia đó góp phần xác định đúng phạm vi điều chỉnh, lựa chọn đúng công cụ pháp lý và hạn chế những quy định không cần thiết. Đây là cơ sở để xem xét các vấn đề pháp lý cụ thể đối với việc xây dựng thể chế cho các mô hình phát triển mới.

3. Những vấn đề pháp lý đặt ra đối với yêu cầu tinh, gọn thể chế pháp luật

3.1. Nguy cơ gia tăng quy định khi thể chế hóa các chính sách mới

Các mô hình phát triển mới thường làm phát sinh những quan hệ mà pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh hoặc chưa điều chỉnh đầy đủ. Đây là cơ sở để Nhà nước xem xét xây dựng chính sách và hoàn thiện pháp luật. Tuy nhiên, từ góc độ tinh, gọn thể chế, vấn đề không chỉ là xác định có khoảng trống pháp luật hay không mà còn phải xác định khoảng trống đó có thực sự cần được lấp đầy bằng một quy định mới hay có thể xử lý trên cơ sở pháp luật hiện hành.

Thực tế xây dựng pháp luật cho các lĩnh vực mới có thể dẫn đến xu hướng bổ sung quy định mỗi khi xuất hiện một vấn đề mới. Nếu không có sự rà soát tổng thể, một chính sách có thể kéo theo việc

sửa đổi nhiều văn bản hoặc ban hành thêm các văn bản hướng dẫn. Khi đó, số lượng quy định tăng lên không nhất thiết đồng nghĩa với chất lượng điều chỉnh được nâng cao. Ngược lại, việc có nhiều quy định cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ có thể làm phát sinh vấn đề về xác định phạm vi áp dụng, mối quan hệ giữa các quy định và trách nhiệm của cơ quan thực thi.

Đối với các mô hình như khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế hoặc đô thị thông minh, vấn đề này càng rõ do chính sách thường liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Nếu mỗi lĩnh vực được bổ sung một nhóm quy định riêng mà thiếu sự đối chiếu với hệ thống pháp luật hiện hành, có thể hình thành một "lớp" quy định mới bên cạnh các quy định chung đang áp dụng. Khi đó, việc tạo cơ chế pháp lý đặc thù cho một mô hình mới có thể đồng thời làm tăng tính phức tạp của hệ thống pháp luật.

Vì vậy, trong quá trình đồng kiến tạo chính sách cần xác định rõ vấn đề nào thực sự cần quy phạm hóa. Việc tiếp nhận đề xuất từ doanh nghiệp, chuyên gia hoặc các chủ thể chịu tác động cần đi kèm với đánh giá về khả năng sử dụng các quy định hiện hành. Đây là điều kiện để phân biệt giữa nhu cầu đổi mới chính sách và nhu cầu ban hành thêm quy định pháp luật.

3.2. Khó khăn trong phối hợp liên ngành và kiểm soát sự phân mảnh của pháp luật

Các mô hình phát triển mới thường có phạm vi điều chỉnh vượt ra ngoài một ngành hoặc một lĩnh vực pháp luật. Chẳng hạn, khu thương mại tự do có thể liên quan đến đầu tư, thương mại, đất đai, thuế, hải quan và logistics; trung tâm tài chính quốc tế liên quan đến tài chính, ngân hàng, đầu tư, ngoại hối, thuế và giải quyết tranh chấp. Do đó, việc xây dựng chính sách chỉ trong phạm vi một cơ quan hoặc một lĩnh vực có thể không phản ánh đầy đủ các quan hệ pháp lý phát sinh.

Vấn đề ở đây không phải là sự phân công quản lý theo ngành, lĩnh vực mà là khả năng phối hợp khi một chính sách cùng tác động đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Nếu việc phối hợp chủ yếu diễn ra ở giai đoạn lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản, phương án chính sách và cấu trúc pháp lý cơ bản có thể đã được xác định trước. Khi phát hiện sự không thống nhất giữa các lĩnh vực, phương án xử lý thường là tiếp tục sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản khác nhau. Cách thức này có thể làm tăng chi phí xây dựng pháp luật và tạo thêm các mối quan hệ giữa các quy định.

Đồng kiến tạo chính sách có thể góp phần giải quyết vấn đề này nếu sự tham gia của các chủ thể được thực hiện ngay từ giai đoạn xác định vấn đề và xây dựng phương án chính sách. Các cơ quan quản lý chuyên ngành có thể xác định những quy định có liên quan; doanh nghiệp và chủ thể chịu tác động phản ánh những điểm giao thoa trong quá trình thực hiện; chuyên gia có thể đánh giá tính thống nhất của các phương án. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì có điều kiện xem xét chính sách trong tổng thể hệ thống pháp luật trước khi lựa chọn phương án thể chế hóa.

Từ yêu cầu tinh, gọn, phối hợp liên ngành cần hướng tới việc hạn chế tình trạng một vấn đề được xử lý bằng nhiều cơ chế pháp lý riêng biệt khi có thể sử dụng một phương án điều chỉnh thống nhất. Điều này không có nghĩa là giảm vai trò của pháp luật chuyên ngành mà là bảo đảm sự phân công điều chỉnh giữa các ngành luật có căn cứ và không tạo ra những quy định trùng lặp hoặc mâu thuẫn.

3.3. Lựa chọn hình thức văn bản và kiểm soát việc giao quy định chi tiết

Sau khi xác định sự cần thiết của việc can thiệp bằng pháp luật, vấn đề tiếp theo là lựa chọn hình thức và mức độ thể chế hóa chính sách. Đây là khâu có ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc của hệ thống pháp luật nhưng thường được xem xét cùng với việc xây dựng nội dung chính sách.

Đối với một mô hình phát triển mới, việc lựa chọn một đạo luật riêng hoặc một cơ chế pháp lý riêng có thể tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, nếu các vấn đề có thể được điều chỉnh thông qua việc sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành mà vẫn xây dựng một hệ thống quy định riêng thì có thể làm tăng số lượng văn bản và tạo thêm quan hệ giữa các quy định. Ngược lại, nếu chỉ sửa đổi một cách phân tán nhiều văn bản mà không có sự điều chỉnh thống nhất thì lại có thể làm tăng tính phức tạp của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh việc lựa chọn hình thức văn bản, cần kiểm soát mức độ giao quy định chi tiết. Việc giao cho văn bản dưới luật quy định những nội dung chưa được xác định đầy đủ ở văn bản có thẩm quyền

cao hơn có thể làm phát sinh thêm tầng nấc pháp luật. Đặc biệt, đối với chính sách mới, nếu nhiều nội dung quan trọng tiếp tục được giao cho các cơ quan khác nhau quy định thì cơ chế pháp lý cuối cùng có thể được hình thành từ nhiều văn bản, làm tăng chi phí tiếp cận và thực hiện pháp luật.

Vấn đề này đặt ra yêu cầu phải xác định ngay trong quá trình xây dựng chính sách nội dung nào cần được quy định trực tiếp, nội dung nào có thể giao quy định chi tiết và giới hạn của việc giao. Việc lựa chọn phải dựa trên tính chất của từng vấn đề, thẩm quyền lập pháp và yêu cầu bảo đảm tính ổn định của pháp luật. Những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của chủ thể, nguyên tắc quản lý và những vấn đề có tính chính sách cơ bản cần được xác định ở cấp văn bản có thẩm quyền tương ứng; các vấn đề có tính kỹ thuật, cần điều chỉnh linh hoạt mới nên được giao quy định chi tiết.

Như vậy, đối với các mô hình phát triển mới, yêu cầu tinh, gọn thể chế không chỉ đặt ra ở giai đoạn rà soát văn bản sau khi ban hành mà phải được kiểm soát ngay từ quá trình xây dựng chính sách. Ba vấn đề nêu trên có mối liên hệ với nhau: xác định đúng nhu cầu điều chỉnh giúp hạn chế quy định không cần thiết; phối hợp liên ngành giúp hạn chế sự phân mảnh; lựa chọn đúng hình thức và mức độ quy phạm hóa giúp kiểm soát tầng nấc văn bản. Đây cũng là những điểm mà cơ chế đồng kiến tạo chính sách cần được thiết kế để hỗ trợ thay vì làm gia tăng thêm sự phức tạp của hệ thống pháp luật.

4. Giải pháp bảo đảm đồng kiến tạo chính sách gắn với yêu cầu tinh, gọn thể chế pháp luật

Trên cơ sở nội dung phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm bảo đảm tinh, gọn thể chế pháp luật theo đúng tinh thần của Nghị quyết 277/NQ-CP ngày 13/8/2026 về chính sách của Luật về văn bản quy phạm pháp luật (Chính phủ, 2026). Cụ thể:

4.1. Bổ sung yêu cầu đánh giá sự cần thiết của việc ban hành quy định mới

Để đồng kiến tạo chính sách thực sự góp phần vào yêu cầu tinh, gọn thể chế, cần kiểm soát việc chuyển hóa các đề xuất chính sách thành quy định pháp luật ngay từ giai đoạn đầu. Trọng tâm không phải là hạn chế số lượng ý kiến hoặc chủ thể tham gia, mà là bảo đảm mỗi đề xuất về hoàn thiện pháp luật đều được đánh giá về sự cần thiết và mối quan hệ với hệ thống pháp luật hiện hành.

Theo đó, trong quá trình xây dựng chính sách đối với các mô hình phát triển mới, bên cạnh đánh giá tác động của từng phương án, cần xác định rõ: vấn đề pháp lý hiện tại là gì; quy định hiện hành đã giải quyết đến đâu; khoảng trống pháp luật nằm ở đâu; có thể sửa đổi, bổ sung hoặc tích hợp quy định hiện hành hay không; và việc ban hành quy định mới có làm phát sinh sự giao thoa với các lĩnh vực pháp luật khác hay không.

Nội dung này cần được thể hiện thực chất trong hồ sơ chính sách, thay vì chỉ dừng ở việc rà soát sự phù hợp của chính sách với pháp luật hiện hành. Đối với những chính sách có phạm vi liên ngành, việc đánh giá càng cần được thực hiện sớm để tránh tình trạng sau khi chính sách đã được lựa chọn mới phát hiện phải sửa đổi đồng thời nhiều văn bản khác nhau.

4.2. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành ngay trong quá trình đồng kiến tạo

Đối với các mô hình phát triển mới, cần chuyển sự phối hợp giữa các cơ quan từ giai đoạn góp ý dự thảo sang giai đoạn hình thành chính sách. Cơ quan chủ trì xây dựng chính sách cần xác định từ đầu những lĩnh vực pháp luật có liên quan, các cơ quan có thẩm quyền và những nhóm chủ thể chịu tác động để tổ chức tham gia phù hợp.

Một cơ chế phối hợp như vậy cần tập trung vào hai nội dung. Thứ nhất, xác định đầy đủ các quan hệ pháp luật phát sinh từ mô hình mới và mối liên hệ giữa các quan hệ đó. Thứ hai, xác định phương án phân bổ nội dung điều chỉnh giữa các ngành, lĩnh vực pháp luật, qua đó hạn chế việc nhiều cơ quan cùng đề xuất quy định để xử lý một vấn đề hoặc bỏ sót những vấn đề nằm ở giao điểm giữa các lĩnh vực.

Đối với các chính sách có phạm vi liên ngành, có thể nghiên cứu yêu cầu cơ quan chủ trì lập một bảng rà soát liên ngành trong hồ sơ chính sách, trong đó xác định các văn bản có liên quan, nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ và những văn bản có khả năng phải ban hành mới. Đây là công cụ tương đối đơn giản nhưng có thể giúp nhận diện sớm nguy cơ phân mảnh pháp luật trước khi chính sách được thể chế hóa.

4.3. Kiểm soát hình thức văn bản và phạm vi giao quy định chi tiết

Yêu cầu tinh, gọn cần được đặt ra cả đối với việc lựa chọn hình thức văn bản và phạm vi giao quy

định chi tiết. Đối với một mô hình phát triển mới, không nên mặc nhiên lựa chọn một đạo luật hoặc một cơ chế pháp lý riêng nếu mục tiêu chính sách có thể đạt được thông qua sửa đổi, bổ sung hoặc tích hợp các quy định hiện hành.

Vì vậy, khi xây dựng phương án chính sách cần xem xét ít nhất các khả năng: sử dụng pháp luật hiện hành; sửa đổi, bổ sung một hoặc một số văn bản hiện hành; tích hợp các quy định có liên quan; hoặc xây dựng văn bản mới. Việc lựa chọn phương án cần dựa trên phạm vi vấn đề cần điều chỉnh, mức độ đặc thù của mô hình mới và tác động của từng phương án đối với cấu trúc hệ thống pháp luật.

Đồng thời, cần kiểm soát chặt việc giao quy định chi tiết. Mỗi nội dung giao cần xác định rõ phạm vi, chủ thể được giao và lý do cần thiết phải quy định ở cấp dưới. Những vấn đề thuộc nội dung chính sách, quyền và nghĩa vụ cơ bản của chủ thể hoặc nguyên tắc quản lý nhà nước không nên được chuyển xuống các văn bản hướng dẫn dưới hình thức giao quy định chung chung.

Việc kiểm soát này cần được thực hiện ngay trong quá trình soạn thảo, đồng thời được xem xét tại các khâu thẩm định, thẩm tra. Mục tiêu không phải là hạn chế việc sử dụng văn bản dưới luật mà là bảo đảm văn bản dưới luật chỉ thực hiện chức năng quy định chi tiết trong phạm vi được giao, không hình thành thêm một tầng chính sách mới.

4.4. Gắn đồng kiến tạo chính sách với rà soát, đánh giá và loại bỏ quy định sau ban hành

Tinh, gọn thể chế không thể được bảo đảm chỉ bằng kiểm soát ở thời điểm ban hành văn bản. Đối với các mô hình phát triển mới, thực tiễn vận hành có thể cho thấy một số quy định không còn phù hợp, trong khi những vấn đề mới lại xuất hiện. Vì vậy, cần gắn quá trình đồng kiến tạo với hoạt động rà soát và đánh giá sau ban hành.

Sau một thời gian thực hiện, cơ quan có thẩm quyền cần thu thập ý kiến của cơ quan thực thi, doanh nghiệp, chuyên gia và các chủ thể chịu tác động để đánh giá hiệu quả của quy định. Nội dung đánh giá không chỉ tập trung vào việc chính sách có đạt mục tiêu hay không mà cần xem xét chi phí tuân thủ, những quy định chồng chéo, thủ tục không còn cần thiết và những nội dung phải tiếp tục sửa đổi.

Kết quả đánh giá phải được sử dụng làm căn cứ để sửa đổi, tích hợp hoặc bãi bỏ quy định không còn phù hợp. Cách tiếp cận này giúp tránh tình trạng hệ thống pháp luật chỉ có xu hướng bổ sung mà thiếu cơ chế loại bỏ tương ứng.

Về lâu dài, có thể nghiên cứu thiết lập cơ chế theo dõi riêng đối với các chính sách điều chỉnh mô hình phát triển mới, trong đó xác định thời điểm đánh giá lại và trách nhiệm của cơ quan chủ trì. Khi đó, đồng kiến tạo chính sách không chỉ diễn ra trước khi văn bản được ban hành mà trở thành quá trình thu thập và xử lý thông tin liên tục trong suốt vòng đời của chính sách.

5. Kết luận

Như vậy, để đồng kiến tạo chính sách gắn với yêu cầu tinh, gọn thể chế, cần chuyển trọng tâm từ "mở rộng sự tham gia" sang "nâng cao chất lượng lựa chọn pháp lý". Bốn nhóm giải pháp nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ: đánh giá sự cần thiết giúp hạn chế quy định mới không cần thiết; phối hợp liên ngành giúp hạn chế phân mảnh; kiểm soát hình thức văn bản và quy định chi tiết giúp hạn chế tầng nấc pháp luật; còn rà soát sau ban hành tạo cơ chế loại bỏ những quy định không còn phù hợp. Đây là cơ sở để đồng kiến tạo chính sách trở thành một bộ phận của quá trình kiểm soát chất lượng và cấu trúc của hệ thống pháp luật đối với các mô hình phát triển mới.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.*

Chính phủ (2026). *Nghị quyết số 277/NQ-CP ngày 13/8/2026 về chính sách của Luật về văn bản quy phạm pháp luật.*

Quốc hội (2025a). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/2/2025.*

Quốc hội (2025b). *Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.*